

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CAI LẬY
TỈNH TIỀN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 67/2021/HNGĐ-ST

Ngày: 29-4-2021

V/v tranh chấp ly hôn và nuôi con

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CAI LẬY, TỈNH TIỀN GIANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Công Vĩnh Đức.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Huỳnh Văn Thanh.
2. Ông Nguyễn Văn Tư.

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Tiểu Thơ, Thư ký Tòa án của Tòa án nhân huyện Cai Lay, tỉnh Tiền Giang.

Trong ngày 29 tháng 4 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Cai Lay, tỉnh Tiền Giang xét xử sơ thẩm công khai, theo thủ tục thông thường vụ án thụ lý số 524/2020/TLST- HNGĐ ngày 03 tháng 11 năm 2020 về “Tranh chấp ly hôn và nuôi con”, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 37/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 17 tháng 3 năm 2021, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Anh Huỳnh Trọng Nh, sinh năm 1983.

Địa chỉ: Ấp S, xã P, huyện C, tỉnh T.

- *Bị đơn:* Chị Trần Thị Thu Th, sinh năm 1985.

Địa chỉ: Ấp S, xã P, huyện C, tỉnh T.

Anh Nh có đơn xin vắng mặt, chị Th vắng mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 22/10/2020, lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn anh Nh trình bày: Anh với chị Th chung sống vợ chồng năm 2010, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã P, huyện C, tỉnh T vào ngày 04/01/2010. Vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2018 thì phát sinh mâu thuẫn. Do thường xuyên cự cãi nặng nề, làm ảnh hưởng tâm lý các con nên từ giữa năm 2019 đến nay, anh đưa các con về bên cha mẹ ruột của anh chung sống và ly thân với chị Th cho đến nay. Do tình cảm vợ chồng không còn, anh khởi kiện yêu cầu xin ly hôn với chị Th.

Về con chung: Vợ chồng có hai người con chung tên Huỳnh Trần Phương A, sinh ngày 03/10/2011 và Huỳnh Trần Trâm A, sinh ngày 11/12/2015. Khi ly hôn anh yêu cầu

được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu Phương A và cháu Trâm A, không yêu cầu chị Th cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Chị Th đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ thông báo thụ lý vụ án; thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải; thông báo kết quả phiên họp; quyết định đưa vụ án ra xét xử và quyết định hoãn phiên tòa nhưng vẫn không có ý kiến và không có mặt để dự phiên tòa.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử xét thấy:

[1] Về quan hệ pháp luật: Đây là tranh chấp ly hôn và nuôi con theo quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về tố tụng: Anh Nh có đơn xin vắng mặt. Chị Th đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ quyết định đưa vụ án ra xét xử, quyết định hoãn phiên tòa nhưng vẫn không có mặt để dự phiên tòa. Do đó, Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt anh Nh và chị Th theo quy định tại khoản 1, 2 Điều 227, khoản 1, 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Anh Nh với chị Th chung sống vợ chồng và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã P, huyện C, tỉnh T vào ngày 04/01/2010 nên quan hệ hôn nhân giữa anh Nh với chị Th là hợp pháp. Anh Nh xác định mâu thuẫn vợ chồng như trên nên anh Nh yêu cầu xin ly hôn với chị Th. Nhưng chị Th cũng không có ý kiến gì để phản đối yêu cầu xin ly hôn của anh Nh nên theo khoản 2 Điều 92 Bộ luật tố tụng dân sự thì đây là tình tiết không phải chứng minh.

Xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, yêu cầu xin ly hôn của anh Nh có căn cứ, phù hợp quy định tại Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4] Về con chung: Quá trình chung sống, anh Nh và chị Th có hai người con chung tên Huỳnh Trần Phương A, sinh ngày 03/10/2011 và Huỳnh Trần Trâm A, sinh ngày 11/12/2015.

Xét yêu cầu nuôi hai cháu Phương A và Trâm A của anh Nh, thấy rằng: Hai cháu Phương A và Trâm A hiện nay đang sống ổn định với anh Nh. Mặt khác, cháu Phương A đã trên 7 tuổi và có nguyện vọng muốn sống với anh Nh khi cha, mẹ ly hôn. Hơn nữa, theo xác nhận của Lãnh đạo ấp 5 xã P, huyện C, tỉnh T thì anh Nh có đủ điều kiện nuôi dưỡng hai cháu Phương A và Trâm A. Do đó, để đảm bảo quyền lợi về mọi mặt của hai cháu Phương A và Trâm A, Hội đồng xét xử thấy cần phải giao cháu hai cháu Phương A và Trâm A cho anh Nh nuôi dưỡng theo quy định tại khoản 2 Điều 81 của Luật hôn nhân và gia đình.

[5] Xét anh Nh không yêu cầu chị Th cấp dưỡng nuôi cháu hai cháu Phương A và Trâm A nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết. Nếu sau này anh Nh có yêu cầu thì khởi kiện bằng vụ án khác.

[6] Về tài sản chung và nợ chung: Anh Nh xác định tài sản chung và nợ chung tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết, chị Th không có ý kiến trình bày nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[7] Về án phí: Anh Nh phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm, theo quy định của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng các điều 51, 56, 81 và 82 của Luật hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận cho anh Huỳnh Trọng Nh ly hôn với chị Trần Thị Thu Th.

2. Về con chung: Giao hai cháu Huỳnh Trần Phương A, sinh ngày 03/10/2011 và Huỳnh Trần Trâm A, sinh ngày 11/12/2015 cho anh Huỳnh Trọng Nh trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục.

3. Chị Trần Thị Thu Th có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung mà không ai được cản trở.

4. Án phí: Anh Huỳnh Trọng Nh phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân sơ thẩm. Anh Huỳnh Trọng Nh đã nộp 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0006079 ngày 03/11/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang. Vậy anh Nh đã thi hành xong án phí.

5. Anh Nh, chị Th có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết, để yêu cầu xét xử phúc thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Tiền Giang;
- VKSND huyện Cai Lậy;
- Chi cục THADS huyện Cai Lậy;
- Cơ quan thực hiện việc đăng ký kết hôn;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Công Vĩnh Đức